

Bản án số: 129./2020/HNGĐ
Ngày 30/6/2020.
Vụ án: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Dũng.*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Công Đường và bà Phạm Thị Cang .*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/06/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị T – sinh năm 1979. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Đinh Quang S – sinh năm 1977. Vắng mặt
- Người giám hộ cho ông Đinh Quang S:
+ Chị Đinh Ngọc Thảo N- Sinh năm 2001. Có mặt
- Cùng địa chỉ: Thôn K, xã DS, huyện DX, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái Thị T trình bày:*

Bà Thái Thị T và ông **Đinh Quang S** tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và kết hôn vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S, thường xuyên uống rượu say sưa về quậy phá, gây gỗ đánh bà T, bà T Nều lần khuyên can nhưng ông S không thay đổi. Đến năm 2011, ông S phát bệnh tâm thần thường đi lang thang ngoài đường, la hét, chửi bới. Ngày 15/8/2019 Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận ông **Đinh Quang S** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Ngày 06/11/2019 Tòa án huyện DX đã ra quyết định tuyên bố ông **Đinh Quang S là người có** khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và cử người giám hộ cho ông S là chị **Đinh Ngọc Thảo N là con ruột của ông S và bà T**. Bà T hiện thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc , mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông S

Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là chị **Đinh Ngọc Thảo N, sinh năm 2001, nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa giải quyết.**

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Về trợ cấp sau ly hôn: Hiện nay ông S không có khả năng lao động, hàng tháng ông S chỉ được hưởng trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật khoảng 400.000 đồng, số tiền này không đủ để ông S chi phí sinh hoạt nên bà Thái Thị T đồng ý trợ cấp cho ông Đinh Quang S mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi bà T hết tuổi lao động.

- Bị đơn ông **Đinh Quang S** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, ông S không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông S

- Người giám hộ cho ông **Đinh Quang S** là chị **Đinh Ngọc Thảo N** trình bày tại biên bản lấy lời khai này 23/12/2019 và tại phiên tòa: Cha mẹ chị là ông **Đinh Quang S** và bà **Thái Thị T** kết hôn năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, sau khi kết hôn cha mẹ chị mâu thuẫn như thế nào chị không biết. Đến khi chị nhận thức được thì thấy ba chị là ông S thường xuyên uống rượu về quậy phá đánh mẹ chị là bà T. Hiện nay chị thấy cha mẹ chị không còn tình cảm với nhau, phần ai nấy biết. Nay mẹ chị xin ly hôn với ba chị, chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của mẹ chị là bà T.

Về con chung: Cha mẹ chị là ông S và bà T có 01 con chung là chị **Đinh Ngọc Thảo N**, năm 2001, nay chị N đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về trợ cấp sau ly hôn: Hiện nay ông S không có khả năng lao động, hàng tháng ông S chỉ được hưởng trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật khoảng 400.000 đồng, số tiền này không đủ để ông S chi phí sinh hoạt, chị **Đinh Ngọc Thảo N** yêu cầu bà Thái Thị T trợ cấp cho ông **Đinh Quang S** mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi bà T hết tuổi lao động.

- *Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các qui định của pháp luật, đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật. *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa thì thấy: Bà Thái Thị T và ông **Đinh Quang S** kết hôn vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S, thường xuyên uống rượu say sỉ về quậy phá, gây gỗ đánh bà T, bà T Nều lần khuyên can nhưng ông S không thay đổi. Đến năm 2011, ông S phát bệnh tâm thần. Ngày 06/11/2019 Tòa án huyện DX đã ra quyết định tuyên bố ông **Đinh Quang S** là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và cử người giám hộ cho ông S là chị **Đinh Ngọc Thảo N** là con ruột của ông S và bà T. Bà T hiện không còn tình cảm với ông S, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX cho bà T được ly hôn với ông S là đúng qui định tại Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. *Về trợ cấp sau ly hôn:* Hiện nay ông S không có khả năng lao động, hàng tháng ông S chỉ được hưởng trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật khoảng 400.000 đồng, số tiền này không đủ để ông S chi phí sinh hoạt nên chị **Đinh Ngọc Thảo N** yêu cầu bà Thái Thị T trợ cấp cho ông **Đinh Quang S** mỗi tháng là 500.000 đồng, bà Thái Thị T đồng ý trợ cấp này, do đó đề nghị HĐXX chấp nhận mức trợ cấp trên.

Về con chung: Bà T và ông S có một con chung là chị **Đinh Ngọc Thảo N**, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xét. *Về tài sản chung và nợ chung:* đề nghị HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Ông **Đinh Quang S** là bị đơn trong vụ án bị tâm thần có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông S không hợp tác vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay. Tuy Nên người giám hộ cho ông S là chị **Đinh Ngọc Thảo N** đã có đơn xin xét xử vắng mặt đối với ông S. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn **Đinh Quang S** là đúng pháp luật.

[2]*Về quan hệ hôn nhân:*

Theo lời trình bày của bà T, chị N và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa thì thấy: Bà Thái Thị T và ông **Đinh Quang S** tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và kết hôn vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S, thường xuyên uống rượu say sấn về quậy phá, gây gỗ đánh bà T Nều lần. Bà T khuyên can nhưng ông S không thay đổi. Đến năm 2011, ông S phát bệnh tâm thần thường đi lang thang ngoài đường. Ngày 15/8/2019 Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 718/KLGD xác định năng lực hành vi dân sự của **Đinh Quang S** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Ngày 06/11/2019 Tòa án huyện DX đã ra quyết định tuyên bố ông **Đinh Quang S** là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và cử người giám hộ cho ông S là chị **Đinh Ngọc Thảo N** là con ruột của ông S và bà T. Hiện cuộc sống vợ chồng ông S và bà T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T xin được ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]*Về con chung:* Bà T và ông S có 01 con chung là chị **Đinh Ngọc Thảo N**, sinh năm 2001 nay đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không xét.

[4]*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét

[5]*Về việc trợ cấp sau ly hôn:*

Hiện nay ông S không có khả năng lao động, hàng tháng ông S chỉ được hưởng trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật khoảng 400.000 đồng, số tiền này không đủ để ông S chi phí sinh hoạt. Hiện nay ông S không có khả năng lao động, hàng tháng ông S chỉ được hưởng trợ cấp của Nhà nước cho người khuyết tật khoảng 400.000 đồng, số tiền này không đủ để ông S chi phí sinh hoạt nên chị **Đinh Ngọc Thảo N** yêu cầu bà Thái Thị T trợ cấp cho ông **Đinh Quang S** mỗi tháng là 500.000 đồng và bà Thái Thị T đồng ý trợ cấp cho ông S đến khi bà T hết tuổi lao động. Do đó HĐXX chấp thuận yêu cầu của chị N.

[6]*Về án phí:* Xử buộc bà Thái Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của **Thái Thị T.** Xử cho **bà Thái Thị T** và ông **Đình Quang S** ly hôn.

2. *Về yêu cầu trợ cấp sau ly hôn:* Buộc bà Thái Thị T phải có nghĩa vụ trợ cấp cho ông Đình Quang S mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến khi bà T hết tuổi lao động theo qui định của pháp luật. Thời gian trợ cấp từ ngày 01/7/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi chậm trả theo qui định tại Điều 357 BLDS

3. *Về án phí:* Xử buộc **bà Thái Thị T** phải chịu: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí LHST và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí DSST.

Bà T được trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) mà chị Thái Thị T đã nộp theo biên lai thu số 7926 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DX.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
-Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa